

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2024/HS-ST
Ngày 15 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Hội thẩm nhân dân: Bà Quản Thị Dung, bà Đinh Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sồi Ngọc An Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 169/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/HSST-QĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Hoàng Văn N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 31 tháng 12 năm 1997 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Hoàng Văn M, sinh năm 1952 và bà Lò Thị X, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/02/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lò Văn Đ - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 10 phút, ngày 22/02/2024 tổ công tác Đoàn Biên phòng cửa

khẩu L phối hợp với các cơ quan chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La phát hiện và bắt quả tang tại nhà Hoàng Văn N gồm có: Hoàng Văn N, sinh năm 1997; Hoàng Văn G, sinh năm 1984 và Hoàng Văn H, sinh năm 1997 đều trú tại bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La đang tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 01 đĩa băng sứ màu trắng; 02 viên nén màu hồng; 01 mảnh giấy bạc; 02 bật lửa gas màu đỏ, 01 mảnh nilon màu trắng; thu giữ trong người G 05 viên nén màu hồng và 01 chiếc điện thoại di động; thu giữ trong người H 09 viên nén màu hồng và 01 chiếc điện thoại di động.

Trong quá trình kiểm tra, Hoàng Văn N tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 ba lô màu đen bằng vải bên trong có chứa 05 thỏi hình trụ và 05 thỏi kim loại được nối với 02 đoạn dây màu xanh, đỏ.

Ngày 23/02/2024, Đoàn biên phòng cửa khẩu L đã thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng. Kết quả: Chất dẻo trong 05 thỏi hình trụ tròn màu vàng có tổng khối lượng là 946,81 gam, trích ra 45,60 gam làm mẫu giám định, ký hiệu S1. Kèm theo 05 thỏi kim loại hình trụ tròn một đầu được bịt kín, một đầu được nối với 02 đoạn dây màu xanh đỏ có ký hiệu “4,100ms”.

Tại Kết luận giám định số 1478/KL-KTHS ngày 23/02/2024 của Phòng K Công an thành phố H, kết luận:

“Chất dẻo dạng liên kết màu trắng ngà bên trong 01 túi ni lông là thuốc nổ công nghiệp nhũ tương, thuốc nổ công nghiệp nhũ tương thường được dùng để khai khoáng, mở đường... và thuộc nhóm vật liệu nổ.”

05 thỏi kim loại hình trụ tròn, một đầu được bịt kín, một đầu được nối với 02 đoạn dây màu xanh đỏ, tại thân của dây gần phần tiếp nối đầu trụ tròn có 01 mảnh giấy màu vàng trên bề mặt có ký hiệu “4,100ms” đều là kíp nổ điện vô nhòm, kíp nổ điện thường được dùng để gây nổ các khối thuốc nổ hoặc các thiết bị chuyên dụng có chứa thuốc nổ và thuộc nhóm vật liệu nổ”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Hoàng Văn N khai nhận:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 22/02/2024 bị cáo Hoàng Văn N nhắn tin qua mạng xã hội Zalo cho Hoàng Văn G, sinh năm 1984, trú cùng bản Phách, xã C hỏi: “Có ở nhà không anh?” sau đó G trả lời: “ở nhà H1, có ăn rồi xuống đi” sau đó N đi bộ xuống nhà Hoàng Văn H, sinh năm 1992 trú cùng bản P. Khi đến nơi N gặp H và G, N bảo “có ma túy không, nếu có thì bỏ ma túy ra sử dụng đi” thì H và G đều bảo có ma túy nhưng không nói cụ thể là có bao nhiêu, H bảo ở đây đông người không tiện sử dụng ma túy. Nó bảo lên nhà N, vì ở nhà N không có ai ở nhà, H và G đồng ý. Sau đó cả ba người cùng nhau đi bộ lên nhà N ở bản P, xã C cách nhà H khoảng 500m để tổ chức sử dụng ma túy. Khi đến nhà N, G bỏ ra

01 gói heroine và 03 viên hồng phiến ra 01 đĩa sứ, màu trắng để sẵn trên mặt bàn uống nước và 01 mảnh giấy bạc. Vừa sử dụng ma túy xong thì tổ công tác đến kiểm tra và phát hiện 05 viên hồng phiến cất giấu trên người của G, 09 viên hồng phiến cất giấu trên người của H, 02 viên hồng phiến để trên đĩa sứ cùng các dụng cụ của để sử dụng ma túy. Quá trình kiểm tra, Hoàng Văn N đã tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 ba lô màu đen, bằng vải bên trong có chứa 02 bọc nilon màu hồng, bọc nilon màu hồng thứ nhất có chứa 05 gói thuốc nổ, bọc nilon màu hồng thứ hai có chứa 05 gói thuốc nổ điện, Hoàng Văn N khai nhận được trong quá trình làm thuê tại Công ty M1, địa chỉ ở xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, mục đích mang về để sử dụng chế tạo pháo đốt vào mấy ngày Tết. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng theo quy định.

Tại Quyết định số 78/QĐ-ANĐT ngày 16/4/2024 của cơ quan An ninh điều tra công an tỉnh S về việc tách hành vi Tổ chức sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy của Hoàng Văn N, Hoàng Văn G, Hoàng Văn H để giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại Cáo trạng số 101/CT-VKS-P1 ngày 13/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Hoàng Văn N về tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, bị cáo không khai báo gì thêm.

Tranh luận tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ.

Căn cứ khoản 1 Điều 305; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 12 đến 18 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu số vật liệu nổ còn lại sau giám định giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh S quản lý, xử lý theo quy định.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí về tội danh, cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; trình độ thấp, hạn chế bị cáo đã tự thú ra hành vi trước đó, tự nguyện giao nộp vật chứng; bị cáo là dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; bị

cáo có nhân thân tốt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết, nhân thân áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 305 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 12 tháng tù.

Gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế, bị cáo không có tài sản nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La không đối đáp với quan điểm bào chữa của Luật sư do: Về tình tiết, tội danh, mức hình phạt không trái quan điểm đề nghị nên không có ý kiến.

Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Đoàn biên phòng cửa khẩu L; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Đối với hành vi Tổ chức sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy của Hoàng Văn N, Hoàng Văn G, Hoàng Văn H đã được Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh S ra Quyết định số 78/QĐ-ANĐT về việc tách vụ án hình sự thành một vụ án khác, do đó không đề cập xử lý trong vụ án này.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng giữa tháng 01/2024 trong quá trình xúc đất và quặng thuê cho Công ty Cổ phần M1, tại khu vực mỏ quặng N đã nhặt được 05 gói thuốc nổ và 05 kíp nổ điện và cất giấu vào ba lô, đến ngày 04/02/2024 được nghỉ Tết, N mang chiếc ba lô đựng số thuốc nổ, kíp nổ về nhà với mục đích mang về để chế tạo pháo đốt vào mấy ngày Tết.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 11 giờ 10 phút ngày 22 tháng 02 năm 2024.

- Biên bản mở niêm phong, cân tịnh, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng hồi 10 giờ 50 phút ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại Đồn Biên phòng cửa khẩu L.

- Kết luận giám định về chất ma túy số 1478/KL-KTHS ngày 23/02/2024 của Phòng K Công an thành phố H;

Xét lời khai của bị cáo tại L, Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của người chứng kiến sự việc và biên bản bắt quả tang bị cáo đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với các bị cáo khác trong vụ án ma túy và sự tự nguyện giao nộp số thuốc nổ, kíp nổ, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Từ những căn cứ chứng minh nêu trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Văn N phạm tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ được quy định tại Điều 305 Bộ luật hình sự.

[3] Về khung hình phạt áp dụng:

Bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 946,81 gam thuốc nổ nhũ tương và 05 kíp nổ điện, vi phạm tình tiết định khung hình phạt "*Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*", được quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Hoàng Văn N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ là vi phạm pháp luật tuy nhiên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách, quản lý vật liệu nổ của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình trước khi bị phát hiện; là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, khối lượng thuốc nổ, kíp nổ bị cáo tàng trữ; Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung; phù hợp với ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, luật sư là có căn cứ.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 305 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo không có thu nhập ổn định, không có khả năng để thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về nguồn gốc số thuốc nổ, kíp nổ và các đối tượng liên quan trong vụ án:

Về nguồn gốc 946,81 gam thuốc nổ công nghiệp nhũ tương và 05 kíp nổ điện, bị cáo khai nhận được tại khu vực mỏ quặng Công ty Cổ phần M1. Quá trình điều tra, Công ty đã trả lời không có sự thất thoát hay mất liệu nổ. Do vậy, ngoài lời khai của Hoàng Văn N, không có căn cứ nào khác để điều tra xác định nguồn gốc số vật liệu nổ từ đâu để xử lý, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm về số vật liệu nổ bị thu giữ.

[8] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Đối với 901,21 gam thuốc nổ công nghiệp nhũ tương còn lại sau khi trích gửi giám định bên trong 05 thỏi hình trụ tròn màu vàng và 04 thỏi kim loại hình trụ tròn một đầu được bịt kín, một đầu được nối với 02 đoạn dây màu xanh đỏ, còn lại sau khi giám định và các vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 ba lô màu đen bằng vải đều đã được niêm phong; xét cần giao Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh S quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn N là dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó xét miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 305; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội "*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*".

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 22/02/2024).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ:

Giao Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh S quản lý, xử lý theo quy định:

- Khối lượng 901,21 gam thuốc nổ công nghiệp bên trong 05 thỏi kim loại hình trụ tròn màu vàng cùng vỏ bao niêm phong ban đầu + 01 ba lô màu đen bằng vải + 02 túi nilon màu hồng được đựng trong hộp vật chứng đã niêm phong trong, ghi: “vật chứng còn lại của Hoàng văn N. Sinh 1997”.

- 04 thỏi kim loại hình trụ tròn, một đầu được nối với 2 đoạn dây màu xanh đỏ, tại thân của dây có 01 mảnh giấy màu vàng có ký hiệu “4,100ms” được đựng trong một phong bì đã niêm phong, có ghi: “CÔNG AN THÀNH PHỐ H”, “Tang vật hoàn lại sau giám định vụ Hoàng Văn N”.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh S và Cục thi hành án dân sự tỉnh S)

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn N.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331; điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/8/2024)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- PC04-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Mai Lan